

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 66/2024/HS-ST
Ngày 30/12/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái

Bà Võ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Xuân Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Lê Tổ U; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 01/12/1999 tại thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Thanh M và bà Lê Thị X; Chồng: Nguyễn Tiến T; Con: có 01 con, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 02/01/2019 bị Chủ tịch UBND phường B xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số 04/QĐ-XPHC (Nộp phạt ngày 02/01/2019); Ngày 19/03/2021 bị Chủ tịch UBND phường T xử phạt số tiền 2.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc theo Quyết định số 09/QĐ-UBND (Nộp phạt ngày 23/03/2021); Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Võ Thị H, sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Trần Hữu Q, sinh năm 1998; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Lê Tổ U có quen biết chị Võ Thị H và anh Trần Hữu Q. Trong thời gian từ ngày 13/12/2023 đến ngày 24/9/2024, trên địa bàn thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Lê Tổ U đã sử dụng điện thoại sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max màu xanh gắn sim số 0943980756 của mình liên lạc thỏa thuận

thống nhất cho chị Võ Thị H vay tiền với mức lãi suất 3.000đồng/1triệu/1ngày tương đương với 109,5%/1năm, cao gấp 5,475 mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và cho anh Trần Hữu Q vay tiền với mức lãi suất 10%/1tháng tương đương 120%/1năm, cao gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

- Ngày 13/12/2023, Nguyễn Lê Tổ U cho chị Võ Thị H vay 30.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản T2 số 19036446149011 của U vào tài khoản V số 0201000174443 của chị H. Ngày 18/12/2023 chị H chuyển trả cho U 30.540.000 đồng gồm 30.000.000 đồng tiền gốc và 540.000 đồng tiền lãi của 6 ngày. Nguyễn Lê Tổ U cho chị Võ Thị H vay với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự), lãi cho phép là 98.630 đồng, thu lợi bất chính 441.730 đồng.

- Ngày 13/02/2024 Nguyễn Lê Tổ U cho chị Võ Thị H vay 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản T2 số 19036446149011 của U vào tài khoản M1 số 0002036880382 của chị Nguyễn Lê Kim C (là em gái của U, hiện đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, C không biết mục đích chuyển tiền) rồi nhờ chị C chuyển vào tài khoản V số 0201000174443 của chị H. Ngày 01/03/2024 chị H chuyển trả cho U qua tài khoản của chị C số tiền 52.700.000 đồng gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 2.700.000 đồng tiền lãi của 18 ngày. Nguyễn Lê Tổ U đã cho chị Võ Thị H vay với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự), lãi cho phép là 493.151 đồng, thu lợi bất chính 2.206.849 đồng.

Tổng cộng Nguyễn Lê Tổ U cho chị Võ Thị H vay 80.000.000 đồng, lấy lãi 3.240.000 đồng, lãi cho phép là 591.781 đồng, thu lợi bất chính 2.648.219 đồng. Số tiền gốc chị H đã trả đủ.

- Ngày 15/01/2024, Nguyễn Lê Tổ U cho anh Trần Hữu Q vay 20.000.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản V số 9528115555 của anh Q. Đến ngày 23/04/2024 anh Q chuyển trả cho U 22.650.000 đồng gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 2.650.000 đồng tiền lãi của 40 ngày. Trong đó, lãi cho phép là 438.356 đồng, U thu lợi bất chính 2.211.644 đồng.

- Ngày 17/01/2024, 29/01/2024, 30/01/2024 Nguyễn Lê Tổ U cho anh Trần Hữu Q vay lần lượt số tiền 20.000.000 đồng, 30.000.000 đồng, 20.000.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản của anh Q. Các khoản vay này anh Q chưa trả tiền gốc và đã trả cho U tiền lãi 7 tháng của mỗi khoản vay là 14.000.000 đồng, 19.800.000 đồng, 13.000.000 đồng. Trong đó, lãi cho phép tương ứng là 2.333.333 đồng, 3.500.000 đồng, 2.333.333 đồng, U thu lợi bất chính mỗi khoản là 11.666.667 đồng, 16.300.000 đồng, 10.666.667 đồng.

- Ngày 02/03/2024, U cho anh Q vay 10.000.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản của anh Q. Số tiền này anh Q chưa trả tiền gốc, đã trả cho U 5.450.000 đồng tiền lãi của 5 tháng. Trong đó, lãi cho phép là 833.333 đồng, U thu lợi bất chính 4.616.667 đồng.

- Ngày 27/04/2024, U cho anh Q vay 20.000.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản của anh Q. Số tiền này anh Q chưa trả tiền gốc, đã trả cho U 7.250.000 đồng tiền lãi của 4 tháng. Trong đó, lãi cho phép là 1.333.333 đồng, U thu lợi bất chính 5.916.667 đồng.

- Ngày 05/06/2024, U cho anh Q vay 20.000.000 đồng. Lần này U trừ tiền lãi còn thiếu mà anh Q chưa đóng là 4.500.000 đồng và chuyển khoản lại vào tài khoản của anh Q 15.500.000 đồng. Số tiền này anh Q chưa trả tiền gốc, đã trả cho U 6.000.000 đồng tiền lãi của 2 tháng. Trong đó, lãi cho phép là 666.667 đồng, U thu lợi bất chính 5.333.333 đồng.

- Ngày 12/08/2024, anh Q tiếp tục vay Uyên 20.000.000 đồng. Uyên trừ đi số tiền lãi chưa đóng là 14.000.000 đồng nên chỉ chuyển cho anh Q 6.000.000 đồng. Số tiền này anh Q chưa trả tiền gốc, đã trả cho U 2.000.000 đồng tiền lãi của 1 tháng. Trong đó, lãi cho phép là 333.333 đồng, U thu lợi bất chính 1.666.667 đồng.

Như vậy, Nguyễn Lê Tổ U đã cho anh Q vay 8 lần với tổng số tiền 160.000.000 đồng, lấy lãi 70.150.000 đồng (lãi suất 10%/1 tháng tương đương 120%/1 năm, cao gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), lãi cho phép là 11.771.688 đồng, thu lợi bất chính số tiền 58.378.312 đồng. Số tiền gốc anh Q đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ 140.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Lê Tổ U đã trả lại tiền lãi suất vượt quá quy định cho chị Võ Thị H 2.650.000 đồng, anh Trần Hữu Q 58.380.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKS-TPHT ngày 28/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã truy tố Nguyễn Lê Tổ Uyên về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Lê Tổ U từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng, đề nghị áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được sai phạm và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo là thống nhất, phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đầy đủ chứng cứ kết luận: Từ ngày 13/12/2023 đến ngày 24/09/2024, Nguyễn Lê Tổ U đã cho chị Võ Thị H và anh Trần Hữu Q vay tổng số tiền 240.000.000 đồng với mức lãi suất cao từ 109,5%/năm đến 120%/năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật

Dân sự: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”, nhưng các lần bị cáo cho vay tiền lãi suất đều cao hơn gấp 5 lần trở lên so với quy định trên. Tổng số tiền lãi Nguyễn Lê Tổ U đã thu là 73.390.000 đồng, trong đó số tiền lãi suất tối đa 20%/năm theo quy định pháp luật là 12.363.469 đồng, số tiền lãi suất quá 20%/năm Nguyễn Lê Tổ U thu lợi bất chính từ việc cho vay tiền 61.026.531 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực và tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, hành vi của Nguyễn Lê Tổ U đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã trả lại toàn bộ tiền lãi suất vượt 20%/năm cho người vay tiền là tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân cần xử mức án nghiêm minh. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên căn cứ Điều 35 Bộ luật hình sự phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị phạt bổ sung phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Tuy nhiên, bị cáo đã bị xử phạt hình phạt chính là phạt tiền và không có nghề nghiệp. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Xét luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, mức án phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Lê Tổ U đã trả số tiền lãi vượt quá theo quy định của pháp luật cho chị Võ Thị H 2.650.000 đồng và anh Trần Hữu Q 58.380.000 đồng, chị H và anh Q không yêu cầu gì thêm, miễn xét.

[9] Về biện pháp tư pháp:

[9.1] Đối với số tiền gốc 240.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho chị Võ Thị H và anh Trần Hữu Q vay là tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Truy thu tại bị cáo 100.000.000 đồng (trong đó 80.000.000 đồng tiền gốc của bị cáo cho chị Võ Thị H vay và 20.000.000 tiền gốc bị cáo cho anh Trần Hữu Q vay); Đối với tổng số tiền gốc 140.000.000 đồng bị cáo cho anh Trần Hữu Q vay vào các ngày 17/01/2024, 29/01/2024, 30/01/2024, 02/03/2024, 27/04/2024, 05/06/2024, 12/08/2024 hiện nay anh Q chưa trả cho bị cáo nên truy thu số tiền này tại anh Trần Hữu Q.

[9.2] Đối với khoản tiền lãi 12.363.469 đồng, không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của chị Võ

Thị H và anh Trần Hữu Q là tiền do tội phạm mà có, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max màu xanh số imei1: 359481986712056, imei2: 359481987398087 của bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. 01 thẻ sim số 0943980756 là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy.

[11] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Nguyễn Lê Tố U phạm tội "**Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự**";

Xử phạt: Nguyễn Lê Tố U **80.000.000 đồng (T1 mươi triệu đồng)**

+ Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Truy thu nộp vào ngân sách nhà Nước số tiền 240.000.000 đồng. Trong đó, truy thu tại Nguyễn Lê Tố U 100.000.000 đồng; Truy thu tại anh Trần Hữu Q 140.000.000 đồng.

Truy thu nộp vào ngân sách nhà Nước tại N số tiền 12.363.469 đồng.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max màu xanh số imei1: 359481986712056, imei2: 359481987398087 của Nguyễn Lê Tố U.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 thẻ sim số 0943980756 của Nguyễn Lê Tố U.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Lê Tố U phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHT ;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an TPHT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Bị cáo, Người CQLNVLQ;
- Sở TP Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Chính